

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 3 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786,979,001,356	1,275,567,789,700
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35,270,472,889	336,882,059,451
1. Tiền	111		33,770,472,889	142,382,059,451
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,500,000,000	194,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		82,091,937,328	66,540,734,528
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140,694,265,680	140,694,265,680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(58,602,328,352)	(74,153,531,152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		623,167,826,396	845,245,523,518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82,212,897,777	133,085,476,562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	59,277,168,592	47,086,464,628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	186,110,000,000	133,545,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	306,262,142,038	684,682,533,411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10,694,382,011)	(153,153,951,083)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2,866,911,259	32,185,773
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2,866,911,259	32,185,773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43,581,853,484	26,867,286,430
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	531,334,403	694,584,680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42,736,850,678	24,367,464,665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	313,668,403	1,805,237,085
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,739,607,344,747	5,560,236,939,168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68,005,000,000	37,005,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	68,005,000,000	37,005,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		701,887,074,736	376,074,711,779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	482,994,103,871	299,954,770,899
- Nguyên giá	222		686,357,027,076	473,009,010,811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203,362,923,205)	(173,054,239,912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	208,528,980,899	64,828,449,857
- Nguyên giá	225		251,212,833,376	92,987,286,021
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42,683,852,477)	(28,158,836,164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10,363,989,966	11,291,491,023
- Nguyên giá	228		21,027,746,542	21,027,746,542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,663,756,576)	(9,736,255,519)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30,845,531,245	17,885,070,242
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	30,845,531,245	17,885,070,242
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4,874,444,475,482	5,099,008,826,299
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3,357,794,143,683	3,857,249,567,918
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,807,614,748,941	1,529,391,295,376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	186,457,032,000	186,457,032,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(477,421,449,142)	(474,089,068,995)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		64,425,263,284	30,263,330,848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	52,446,565,282	18,533,323,607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	11,978,698,002	11,730,007,241
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,526,586,346,103	6,835,804,728,868

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,386,187,857,735	1,283,017,800,871
I. Nợ ngắn hạn	310		890,916,948,335	1,011,451,956,496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	21,363,141,598	41,957,482,431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	2,071,609,890	23,172,673,918
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	110,324,014,116	5,154,073,091
4. Phải trả người lao động	314	V.18	4,319,246,985	16,158,873,636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	3,189,388,020	8,669,298,382
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	59,959,762,179	481,995,092,708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	581,193,405,485	357,482,529,032
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	60,260,592,995	60,402,312,740
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	48,235,787,067	16,459,620,558
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		495,270,909,400	271,565,844,375
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	494,966,140,013	270,217,938,887
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	304,769,387	1,347,905,488
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

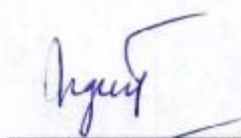
Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,140,398,488,367	5,552,786,927,997
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,140,398,488,367	5,552,786,927,997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2,969,249,570,000	2,882,769,570,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,969,249,570,000	2,882,769,570,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1,941,832,197,040	1,941,832,197,040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69,388,382,902	69,388,382,902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	164,088,395	(482,399,072)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72,682,100,796	72,682,100,796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69,568,035,889	69,568,035,889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	17,514,113,345	517,029,040,442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	517,029,040,442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		17,514,113,345	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,526,586,346,103	6,835,804,728,868

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018


Phạm Quang Huy
 Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

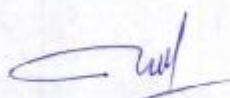
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: 06 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

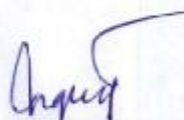
Quý 3 năm 2018


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	61,620,974,148	162,557,910,103	153,601,986,149	569,797,407,309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61,620,974,148	162,557,910,103	153,601,986,149	569,797,407,309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	36,495,557,188	143,205,486,862	95,334,155,425	528,904,893,418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,125,416,960	19,352,423,241	58,267,830,724	40,892,513,891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	290,135,157,535	94,391,177,610	2,140,945,430,758	451,628,596,709
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,413,208,481	15,145,589,349	43,253,936,668	151,857,811,219
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,170,141,714	5,856,561,802	25,183,885,516	66,889,218,783
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	121,770,000	1,869,757,195	439,847,636	6,808,678,015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29,952,937,626	28,438,779,136	82,619,224,944	217,912,011,668
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		276,772,658,388	68,289,475,171	2,072,900,252,234	115,942,609,698
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,746,555,249	8,278,447,426	6,850,363,912	32,011,904,903
12. Chi phí khác	32	VI.8	118,091,146	50,497,137,908	624,185,199	50,560,662,570
13. Lợi nhuận khác	40		2,628,464,103	(42,218,690,482)	6,226,178,713	(18,548,757,667)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		279,461,122,491	26,070,784,689	2,079,126,430,947	97,393,852,031
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	9,082,498,598	449,264,480	220,105,203,199	1,283,318,341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(115,420,324)	(348,055,767)	(1,282,247,186)	629,041,196
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>270,434,044,216</u>	<u>25,969,575,976</u>	<u>1,860,303,474,933</u>	<u>95,481,492,494</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018


 Phạm Quang Huy
 Người lập


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 ĐỖ VĂN MINH
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPTĐịa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,079,126,430,947	97,393,852,031
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	48,069,872,565	50,219,660,081
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	3,359,419,142	228,901,706,846
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	28,658,527,819	(10,404,114,546)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2,125,976,780,569)	(412,835,954,868)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25,183,885,516	66,889,218,783
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58,421,355,420	20,164,368,327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26,583,777,047	338,769,717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,834,725,486)	13,783,967,121
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38,779,318,945)	(70,936,939,756)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33,749,991,398)	2,261,431,848
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2,064,388,947
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, V.20, VI.4	(29,973,547,308)	(30,922,026,160)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(124,682,031,323)	(1,666,623,156)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(8,854,579,521)	(19,219,516,977)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(153,869,061,514)	(84,132,180,089)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13	(239,541,194,930)	(36,750,313,152)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	19,153,216,317	130,997,409,193
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(176,330,000,000)	(108,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	123,765,000,000	72,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(103,919,587,615)	(90,982,300,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,021,190,288,788	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		630,155,149,318	354,499,818,474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,274,472,871,878	321,764,614,515

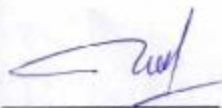
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

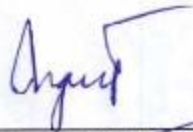
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		86,480,000,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		586,508,744,976	290,170,214,502
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(339,043,433,557)	(448,705,248,093)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(15,026,062,650)	(14,942,296,790)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(2,741,475,096,375)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,422,555,847,606)	(173,477,330,381)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(301,952,037,242)	64,155,104,045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	336,882,059,451	74,289,026,051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		340,450,680	73,572,640
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	35,270,472,889	138,517,702,736

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt bằng tiền với tỷ lệ 80%, tương đương 8.000 VND/cổ phiếu và chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 15%, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Hoạt động vận tải container chuyên tuyến đã được tách ra thành công ty riêng, do đó doanh thu kỳ này chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê tài sản và dịch vụ đại lý.

Trong kỳ, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hành Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept và Công ty TNHH Golden Globe.

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo Chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty cho các năm 2016 và 2017.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018, Công ty đã bổ sung và điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và nhận được giấy xác nhận bổ sung và điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 7 năm 2018.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thủ tục giải tỏa tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty về mức 49%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có 19 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 24 công ty con và 8 công ty liên doanh, liên kết).

6a. Thông tin tái cấu trúc

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 50,90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết”. Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 49% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314492497 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept.

Trong kỳ, Công ty đã chấm dứt hoạt động các công ty con: Công ty TNHH MTV Logistics Biên Sáng, Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.

6b. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, VN	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học VI Tin	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6c. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,25%	32,25%	32,25%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6d. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 166 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 169 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm, chi phí lãi thuê tài chính container ... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.329.231.343	2.928.760.727
Tiền gửi ngân hàng	30.441.241.546	138.837.242.396
Tiền đang chuyển	-	616.056.328
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	1.500.000.000	194.500.000.000
Cộng	<u>35.270.472.889</u>	<u>336.882.059.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại						
Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	64.373.347.600	(30.597.682.400)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	17.718.193.500	(13.770.070.862)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	485.250	(253.990)	650.218	512.500	(253.990)
Cộng	140.694.265.680	82.092.026.350	(58.602.328.352)	140.694.265.680	66.540.850.800	(74.153.531.152)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(74.153.531.152)	(91.692.607.552)
Hoàn nhập dự phòng	15.551.202.800	14.984.702.400
Số cuối kỳ	(58.602.328.352)	(76.707.905.152)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.357.794.143.683	(347.887.633.332)	3.857.249.567.918	(253.944.866.923)
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	801.823.100.000	(85.577.043.343)	801.823.100.000	(35.521.951.507)
Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(158.354.313.689)	586.721.892.380	(136.185.022.864)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ	360.000.000.000	(8.058.680.134)	360.000.000.000	(4.375.994.860)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-
Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	242.529.745.550	(79.419.158.689)	183.045.245.550	(39.063.050.101)
Công ty TNHH Cảng Phước Long	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	84.700.000.000	(9.223.210.448)	82.500.000.000	(8.621.082.937)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	78.000.000.000	(6.255.227.029)	78.000.000.000	(13.971.545.505)
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	-	2.343.651.753	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	267.797.641.500	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	205.086.700.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	70.866.282.735	(128.185.291)
Gemadept (S) Pte. Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	15.207.300.000	(15.207.300.000)
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	2.182.000.000	-
Các công ty con khác	2.637.304.000	(1.000.000.000)	2.637.304.000	(870.733.858)
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	1.807.614.748.941	(119.907.461.899)	1.529.391.295.376	(98.608.327.116)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(77.000.274.919)	834.150.000.000	(71.095.385.067)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	-	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱ⁾	108.001.500.000	-	71.352.500.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	(14.612.809.668)	-	-
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱ⁾	94.753.957.496	(620.444.935)	89.355.403.136	(1.060.531.832)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(8.919.324.234)	49.825.280.000	(7.697.802.074)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	186.457.032.000	(9.626.353.912)	186.457.032.000	(121.535.874.956)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ^(iv)	15.876.000.000	(6.246.822.728)	15.876.000.000	(4.638.054.728)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.379.531.184)	5.000.000.000	(3.325.388.228)
Cộng	5.351.865.924.624	(477.421.449.143)	5.573.097.895.294	(474.089.068.995)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (ii) Giảm do chuyển nhượng phần vốn góp.
- (iii) Giảm do giải thể công ty con.
- (iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

2c. Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải		
Doanh thu dịch vụ	710.184.500	6.788.842.316
Chi phí dịch vụ	-	10.039.028.975
Cổ tức được chia	28.000.000.000	47.309.685.023
Bán tài sản cố định	-	11.838.109.000
Lãi vay	339.423.288	-
Vay	41.500.000.000	-
Chi hộ	4.604.162	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Doanh thu cho thuê tài sản	6.302.363.571	-
Lãi vay	135.665.754	-
Vay	48.000.000.000	-
Chi hộ	7.102.063	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ		
Doanh thu dịch vụ	3.149.094.758	11.403.309.296
Chi phí dịch vụ	-	1.378.134.468
Cổ tức được chia	165.249.219.600	152.381.452.500
Vay	124.000.000.000	150.000.000.000
Lãi vay	1.853.902.206	3.721.944.446
Bán tài sản cố định	-	68.275.699.000
Cho vay	43.000.000.000	-
Lãi cho vay	30.032.877	-
Chi hộ	19.059.737	-
Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Doanh thu cho thuê tài sản	19.765.029.324	26.376.465.294
Doanh thu dịch vụ	-	1.261.839.421
Chi phí dịch vụ	-	6.231.010.959
Lợi nhuận được chia	44.000.000.000	29.000.000.000
Cho vay	105.000.000.000	69.000.000.000
Lãi cho vay	2.646.897.410	1.294.805.557
Chi hộ	148.145.287	223.863.954
Bán tài sản cố định	-	33.695.510.100

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương		
Góp vốn	59.484.500.000	71.320.700.000
Nhờ chi hộ	-	566.531.235
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương		
Chi hộ	4.624.577.157	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	2.200.000.000	-
Chi hộ	278.151.954	316.875.942
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.680.000.000	-
Chi phí dịch vụ	-	900.826.652
Cho vay	8.000.000.000	36.000.000.000
Lãi cho vay	5.156.724.505	3.825.777.777
Bán tài sản cố định	-	1.418.878.000
Chi hộ	1.934.451	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept		
Chi hộ	-	85.196.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Doanh thu dịch vụ	476.181.818	476.181.818
Chi phí dịch vụ	61.553.127	79.304.727
Chi hộ	635.803.143	-
Cho vay	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	14.383.562	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M		
Lợi nhuận được chia	16.000.000.000	7.000.000.000
Vay	1.000.000.000	-
Lãi vay	16.849.314	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.240.000.000	3.240.000.000
Cổ tức được chia	5.520.000.000	6.624.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương		
Lợi nhuận được chia	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay	7.000.000.000	27.500.000.000
Lãi vay	390.547.945	210.805.555
Chi hộ	-	212.595.381

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	644.343.280	2.652.955.489
Doanh thu thanh lý tài sản	305.000.000	-
Chi phí dịch vụ	366.444.965	227.009.744
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-
Công ty TNHH ISS – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	7.983.500	-
Lợi nhuận được chia	1.792.503.763	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin		
Chi phí dịch vụ	945.000.000	40.000.000
Chi hộ	1.008.395.280	1.152.455.149
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	198.000.000	198.000.000
Lãi vay	956.727.133	928.922.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	-	6.360.640
Cổ tức được chia	110.649.840.000	82.987.380.000
Vay	198.000.000.000	-
Lãi vay	1.645.380.137	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	248.944.292	232.324.500
Góp vốn	36.649.000.000	13.596.000.000
Vay	30.000.000.000	-
Lãi vay	220.273.972	-
Cho vay	-	3.000.000.000
Lãi cho vay	-	8.666.667
Công ty TNHH Golden Globe		
Chi hộ	-	11.566.800.000
Góp vốn	5.398.554.360	-
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	330.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	183.952.724	9.418.901.051
Doanh thu cho thuê tài sản	2.588.318.182	2.195.818.182
Chi hộ	1.055.842.510	2.741.288.248
Bán tài sản cố định	-	392.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ	-	216.681.818
Thu hộ	31.187.179.441	28.022.677.643
Vay	-	39.000.000.000
Lãi vay	-	328.440.000
Cho vay	5.000.000.000	-
Lãi cho vay	299.916.438	-
Lợi nhuận được chia	-	76.086.549.644
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	-	63.739.248.303
Doanh thu cho thuê tài sản	4.869.636.363	11.942.906.158
Chi phí dịch vụ	-	66.076.062.629
Chi hộ	50.187.043	75.914.638
Lợi nhuận được chia	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	3.000.000.000	-
Lãi cho vay	123.698.629	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	49.829.166.371	19.195.461.653
Chi phí dịch vụ	179.996.045	265.930.775
Thu hộ	37.387.609.479	2.505.452.575
Chi hộ	2.190.603.111	1.260.647.420
Góp vốn	-	52.565.750.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings		
Cho vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay	11.890.411	-
Góp vốn	-	65.600.000
Doanh thu dịch vụ	-	27.019.520
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings		
Doanh thu dịch vụ	-	40.529.280
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Lợi nhuận được chia	-	7.329.473.030
Chi phí dịch vụ đại lý	-	256.089.801
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	-	3.119.302.418
Chi phí dịch vụ	-	29.031.971.000
Thu hộ	-	5.448.436.342
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực		
Cổ tức được chia	-	1.072.446.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>40.118.230.524</i>	<i>73.959.210.315</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	12.235.471.800	19.183.375.817
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	7.173.373.256	15.863.651.038
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	1.148.800.000	3.564.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4.760.200.000	449.145.392
Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ	4.784.364.750	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	330.306.000	380.626.242
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ	1.173.249.000	52.000.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	2.450.082.192	89.000.001
Công ty TNHH Cảng Phước Long	4.988.660.293	17.144.944.275
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	-	16.939.164.416
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	781.202.950	172.500.001
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	-	74.303.680
Công ty TNHH Golden Globe	-	46.499.453
Các bên liên quan khác	292.520.283	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>42.094.667.253</i>	<i>59.126.266.247</i>
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	17.753.995.869	-
Các khách hàng khác	24.340.671.384	59.126.266.247
Cộng	<u>82.212.897.777</u>	<u>133.085.476.562</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	26.080.800.000	26.080.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	10.783.853.004
Các nhà cung cấp khác	22.412.515.588	10.221.811.624
Cộng	<u>59.277.168.592</u>	<u>47.086.464.628</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>175.110.000.000</i>	<i>122.545.000.000</i>
Công ty TNHH Cảng Phước Long	66.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ	22.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	80.000.000.000	81.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.110.000.000	1.780.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	13.765.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Cộng	<u>186.110.000.000</u>	<u>133.545.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>234.921.062.075</i>	<i>619.574.542.241</i>
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	79.814.850.750	79.470.251.520
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	25.172.442.616	26.934.547.919

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	69.536.808.942	59.785.949.034
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	26.346.710.250	20.620.600.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	9.110.428.388	14.061.901.345
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ - Hỗ trợ vốn, chi hộ, cổ tức	-	6.000.800.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Lãi cho vay	2.332.016.642	1.652.444.444
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin – Chi hộ	1.424.500.451	2.306.105.171
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	1.072.446.000	1.072.446.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	622.422.559	344.270.605
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	79.028.473	21.225.867.164
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Lãi cho vay	123.698.629	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Cổ tức, chi hộ	-	27.990.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Cổ tức, chi hộ	9.295.455.626	209.949.241.945
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu	-	29.458.000.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Cổ tức	-	4.400.000.000
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ	-	113.372.510.867
Các bên liên quan khác	9.990.252.749	929.606.227
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	71.341.079.963	65.107.991.170
Tạm ứng	30.130.416.517	38.172.040.862
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	5.495.977.027	4.808.856.213
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	6.384.443.118	5.945.954.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	29.330.243.301	16.181.140.095
Cộng	306.262.142.038	684.682.533.411

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sài Gòn Xanh	31.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sông Hằng	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Các khoản đặt cọc dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	68.005.000.000	-	37.005.000.000	-

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị đã lập dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị đã lập dự phòng</u>
Các bên liên quan		2.266.882.222	(2.266.882.222)		144.767.393.089	(144.767.393.089)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi vay		2.266.882.222	(2.266.882.222)		1.936.882.222	(1.936.882.222)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Gemadep (S) Pte. Ltd. – Chi hệ (*)	-	-	113.372.510.867	(113.372.510.867)
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu (*)	-	-	29.458.000.000	(29.458.000.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	8.528.929.789	(8.427.499.789)	8.487.987.994	(8.386.557.994)
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm 3.000.000.000
Penex Container Lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)	Trên 03 năm 2.763.212.976
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.765.716.813	(2.664.286.813)	Từ 01 năm đến trên 03 năm 2.724.775.018
Cộng		10.795.812.011	(10.694.382.011)	153.255.381.083

(*) Khoản phải thu Gemadep (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte Ltd đã được xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 029/BBHĐQT-GMD ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(153.153.951.083)	(10.218.852.716)
Trích lập dự phòng bổ sung	(370.941.795)	(143.993.467.316)
Xóa nợ	142.830.510.867	-
Số cuối kỳ	(10.694.382.011)	(154.212.320.032)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Vật liệu, phụ tùng thay thế	2.866.911.259	-	-	-
Hàng hóa	-	-	32.185.773	-
Cộng	2.866.911.259	-	32.185.773	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	531.334.403	379.051.790
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	315.532.890
Cộng	531.334.403	694.584.680

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi thuê tài chính container	50.422.926.582	17.701.641.274
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.023.638.700	831.682.333
Cộng	52.446.565.282	18.533.323.607

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.474.472.564	456.794.195.174	5.688.438.941	473.009.010.811
Tăng trong kỳ	-	-	212.299.532.886	3.777.290.000	216.076.822.886
Giảm trong kỳ	-	-	(2.728.806.621)	-	(2.728.806.621)
Số cuối kỳ	6.051.904.132	4.474.472.564	666.364.921.439	9.465.728.941	686.357.027.076
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.709.464.200	4.392.026.030	157.406.813.484	5.545.936.198	173.054.239.912
Tăng trong kỳ	257.972.670	10.324.674	32.233.991.737	115.066.114	32.617.355.195
Giảm trong kỳ	-	-	(2.308.671.902)	-	(2.308.671.902)
Số cuối kỳ	5.967.436.870	4.402.350.704	187.332.133.319	5.661.002.312	203.362.923.205
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	342.439.932	82.446.534	299.387.381.690	142.502.743	299.954.770.899
Số cuối kỳ	84.467.262	72.121.860	479.032.788.120	3.804.726.629	482.994.103.871

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 345.275.965.652 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	92.987.286.021
Thuê tài chính tăng trong kỳ	158.225.547.355
Số cuối kỳ	251.212.833.376
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.158.836.164
Khấu hao trong kỳ	14.525.016.313
Số cuối kỳ	42.683.852.477
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	64.828.449.857
Số cuối kỳ	208.528.980.899

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Số cuối kỳ	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	9.736.255.519	9.736.255.519
Khấu hao trong kỳ	-	927.501.057	927.501.057
Số cuối kỳ	-	10.663.756.576	10.663.756.576
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	10.019.961.013	11.291.491.023
Số cuối kỳ	1.271.530.010	9.092.459.956	10.363.989.966

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí mua cầu, xe nâng, sà lan	15.839.894.800	11.804.783.003	-	27.644.677.803
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	630.000.000
Phần mềm e-Office	-	476.910.000	-	476.910.000
Phần mềm HR	-	738.768.000	-	738.768.000
Các chi phí khác	60.000.000	-	(60.000.000)	-
Cộng	17.885.070.242	13.020.461.003	(60.000.000)	30.845.531.245

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.876.379.688	17.109.663.290
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	-	13.262.786.457
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.226.248.222	3.846.876.833
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin	945.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	143.972.603	-
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	1.561.158.863	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	17.486.761.910	24.847.819.141
Phnom Penh Autonomous Port	-	13.638.422.452
Các nhà cung cấp khác	17.486.761.910	11.209.396.689
Cộng	21.363.141.598	41.957.482.431

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.879.882.833
Các khách hàng khác	2.071.609.890	5.292.791.085
Cộng	2.071.609.890	23.172.673.918

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****17a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.588.463.251	-	4.423.731.360	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.409.852.464	-	-	1.491.568.682
Thuế nhà thầu	325.698.401	-	537.911.392	-
Các loại thuế khác	-	313.668.403	-	313.668.403
Cộng	110.324.014.116	313.668.403	4.961.642.752	1.805.237.085

17b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Campuchia

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	192.430.339	-
Cộng	-	-	192.430.339	-

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.046.122.361	6.285.908.465
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	205.564.142	6.285.908.465
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	840.558.219	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.143.265.659	2.383.389.917
Chi phí lãi vay	787.181.050	712.249.966
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.356.084.609	1.671.139.951
Cộng	3.189.388.020	8.669.298.382

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.870.817.507	15.868.236.755
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.819.146.741	512.320.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	1.677.414.393	1.677.414.393
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	45.310.069	3.755.249.639
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	566.531.235	566.655.720
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	321.868.893
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	-	67.777.777
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line	46.027.397	72.304.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	-	4.595.839.422
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng	-	2.142.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	-	1.890.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đinh Vũ	397.331.507	197.916.667
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	186.842.466	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	132.213.699	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	68.888.889
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	55.088.944.672	466.126.855.953
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	145.118.345	464.090.084
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	675.453.340	1.029.036.015
Cổ tức phải trả	10.322.687.475	432.610.127.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.945.685.512	32.023.602.004
Cộng	59.959.762.179	481.995.092.708

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	473.676.815.108	302.776.728.013
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	242.676.815.108	244.776.728.013
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	50.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	41.500.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	48.000.000.000	-
Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	8.500.000.000	8.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	118.000.000.000	-
Vay Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	15.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	107.516.590.377	54.705.801.019
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	7.008.744.976	729.387.696
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	19.127.886.823
Vay dài hạn đến hạn trả	45.962.938.572	13.477.740.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	54.544.906.829	21.370.786.500
Cộng	581.193.405.485	357.482.529.032

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	283.448.284.642	204.349.060.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	90.000.000.000	100.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	193.448.284.642	104.349.060.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	211.517.855.371	65.868.878.887
Cộng	494.966.140.013	270.217.938.887

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng các khoản phải trả chủ yếu liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.459.620.558	19.327.092.509
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.630.746.030	31.179.213.550
Chi quỹ	(8.854.579.521)	(6.289.836.119)
Số cuối kỳ	<u>48.235.787.067</u>	<u>44.216.469.940</u>

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	2.882.769.570.000	86.480.000.000	-	2.969.249.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	-	-	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(482.399.072)	646.487.467	-	164.088.395
Quỹ đầu tư phát triển	72.682.100.796	-	-	72.682.100.796
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.568.035.889	-	-	69.568.035.889
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517.029.040.442	1.860.303.474.933	(2.359.818.402.030)	17.514.113.345
Tổng cộng	<u>5.552.786.927.997</u>	<u>1.947.429.962.400</u>	<u>(2.359.818.402.030)</u>	<u>5.140.398.488.367</u>

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics	151.113.837.750	568.573.495.352
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.488.148.399	1.223.911.957
Cộng	153.601.986.149	569.797.407.309

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.191.663.679	226.748.460
Lãi tiền cho vay	8.944.749.311	6.342.583.335
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.642.835.053
Lãi chuyển nhượng công ty con	1.731.957.209.714	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	384.368.603.363	422.789.432.296
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.483.204.691	20.626.997.565
Cộng	2.140.945.430.758	451.628.596.709

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.183.885.516	66.889.218.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.055.963.622	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.988.477.347	84.908.239.530
Chi phí tài chính khác	25.610.183	60.352.906
Cộng	43.253.936.668	151.857.811.219

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	36.445.788.415	32.735.111.498
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	690.018.156	943.268.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.310.244.821	4.191.989.629
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	370.941.795	143.993.467.316
Chi phí thuê văn phòng	14.647.848.519	17.786.637.400
Các chi phí khác	26.154.383.238	18.261.537.463
Cộng	82.619.224.944	217.912.011.668

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	706.218.181	10.460.936.347
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền chậm nộp thuế	-	21.054.124.191
Các khoản thu nhập khác	6.144.145.731	496.844.365
Cộng	6.850.363.912	32.011.904.903

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn	-	26.756.997.110
Các khoản chi phí khác	624.185.199	23.803.665.460
Cộng	624.185.199	50.560.662.570

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	1.652.593.370
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	20.615.127
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(239.111.085)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.043.136.101)	(1.044.167.301)
Cộng	(1.282.247.186)	629.041.196

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.218.797.583	132.512.250.748
Chi phí nhân công	41.763.305.642	52.787.467.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.069.872.565	50.219.660.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.359.644.538	338.854.478.556
Chi phí khác	28.981.607.677	179.251.726.079
Cộng	178.393.228.005	753.625.583.101

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	7.277.155.000	5.826.465.000
Thu nhập khác	283.976.469	283.976.469
Cộng	7.561.131.469	6.110.441.469

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hân Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ QUÝ 3 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Mekong Logistics

Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadcpt

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực

Mối quan hệ

Công ty con của Công ty liên kết
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty con của Cơ sở kinh doanh
đồng kiểm soát
Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.19, V.20 và V.21.

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>Quý 3 năm 2018</u>	<u>Quý 3 năm 2017</u>	<u>Chênh lệch tăng</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	270.434.044.216	25.969.575.976	244.464.468.240

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2018 đạt hơn 270 tỷ đồng, tăng hơn 244 tỷ đồng so với quý 3 năm 2017 chủ yếu do Công ty nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con và công ty liên kết.

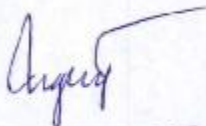
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 6839/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty. Theo đó, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được điều chỉnh về mức 49%.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc